

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày 18 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Ngọc Liêm
- Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên: Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đối với bị cáo:

Phan Hữu Phước, sinh ngày 20/3/1992; nơi sinh: huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, Đoàn: không; con ông Phan Văn Ghi, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Huỳnh Thị Truyền, sinh năm 1940 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, tiền án: không

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/9/2023 đến ngày 12/9/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Lê Văn Trí, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Phú Hạ 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Thủy Tiên, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp Phú Hạ 2, xã

Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. Ông Trần Thanh Tuấn, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Kiến Thuận 2, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

4. Bà Trần Ngọc Điệp, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Kiến Quới 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

5. Ông Hồ Châu Minh, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

6. Ông Trần Tổng Nguyên, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Long Thuận, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Long Quới, xã Long Kiên, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

8. Ông Nguyễn Thanh Hoàng, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp Long Hòa 1, xã Long Kiên, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

9. Bà Phan Thị Mỹ Dung, sinh năm 1972; nơi cư trú: khóm An Khương, thị trấn Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

10. Ông Phan Văn Chôi, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Long Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

11. Bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Kiến Bình 2, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

12. Bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

13. Ông Lê Hữu Phước, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

14. Ông Nguyễn Văn Tèo, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

15. Bà Nguyễn Thị Nhàn, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

16. Bà Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Long Quới 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

17. Ông Võ Thanh Tùng, sinh năm 1960; đăng ký thường trú: ấp Long Hưng, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

18. Ông Huỳnh Thanh Hồ, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

19. Bà Đỗ Thị Tuyết Mai, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

20. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã

Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

21. Ông Nguyễn Văn Lanh, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

22. Bà Trần Ngọc Hạnh, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

23. Ông Nguyễn Chí Bảo, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

24. Ông Võ Văn Hồ, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 447, tổ 16, ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

25. Bà Đặng Thị Bé Tâm, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

26. Ông Lê Trung Nghĩa, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

27. Ông Phan Văn Lộc, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

28. Ông Nguyễn Xuân Hoài, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

29. Ông Nguyễn Thành Nghiệp, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

30. Bà Dương Thị Giàu, sinh năm 1979; nơi cư trú: số 341, tổ 14, ấp Mỹ Bình, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

31. Bà Nguyễn Tiến Tuyết, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp Mỹ Bình, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

32. Bà Phạm Thị Kim Vè, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Nhon Hiệp, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

33. Bà Trương Thị Hòa, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

34. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

35. Ông Nguyễn Văn Thôi, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

36. Ông Nguyễn Hữu Lợi, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

37. Ông Ngô Minh Hùng, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

38. Bà Mai Thị Huỳnh Như, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

39. Ông Nguyễn Chí Hữu, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

40. Ông Nguyễn Văn Đang, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

41. Ông Đỗ Hữu Dự, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Mỹ Bình, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

42. Ông Nguyễn Lâm Vũ, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

43. Bà Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

44. Bà Ngô Thị Nguyệt, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

45. Bà Hồ Thị Lang, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

46. Bà Trần Thị Điều, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

47. Ông Phạm Thanh Tân, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

48. Bà Lê Thị Hạnh, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

49. Ông Huỳnh Thanh Vũ, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Nhơn Lợi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

50. Ông Huỳnh Văn Huyện, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Nhơn Lợi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

51. Ông Phan Thanh Nhàn, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

52. Ông Nguyễn Võ Hoàng Anh, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

53. Bà Lý Thị Kim Ngân, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

54. Bà Dương Thị Thảo, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

55. Bà Nguyễn Ngọc Diệu, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Long Bình, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt);

56. Bà Trần Thị Mộng, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

57. Ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã

Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

58. Bà Lâm Thị Nho, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

59. Bà Nguyễn Thị Nhị, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

60. Bà Nguyễn Hồng Thắm, sinh năm 2005; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

61. Ông Nguyễn Văn Phụng, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

62. Ông Ngô Văn Thừa, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Nhon An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

63. Ông Phan Tấn Phát, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Nhon Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

64. Ông Nguyễn Cu Em, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Nhon Lợi, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

65. Bà Cao Thị Bích Ngọc, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Nhon Hiệp, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

66. Ông Trần Hoàng Vũ, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

67. Bà Huỳnh Thị Út Em, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

68. Ông Nguyễn Văn Điền, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Long Thượng, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

69. Ông Lê Văn Thanh, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

70. Ông Phan Thanh Tú, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

71. Bà Trần Kiều My, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Mỹ Bình, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

72. Ông Hồ Văn Bé, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

73. Ông Nguyễn Tuấn Cường, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

74. Ông Nguyễn Văn Nghi, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

75. Ông Trần Chánh Thức, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

76. Ông Phạm Văn Bé, sinh năm 1953; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

77. Ông Nguyễn Tuấn Cường, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

78. Ông Mai Văn La, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

79. Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

80. Ông Nguyễn Văn Cửa, sinh năm 1957; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

81. Ông Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

82. Ông Võ Tấn Tài, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

83. Ông Trần Minh Anh, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

84. Bà Huỳnh Thị Kim Loan, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

85. Bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

86. Ông Nguyễn Văn Phong, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

87. Bà Đặng Thị Thùy Châu, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

88. Ông Hồ Minh Hải, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

89. Ông Nguyễn Ngọc Mẫn, sinh năm 2002; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

90. Ông Trần Văn Sáng, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

91. Bà Đoàn Kim Thoa, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

92. Ông Dương Thanh Giàu, sinh năm 2004; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

93. Ông Lưu Văn Linh, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

94. Ông Huỳnh Văn Huy Bình, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp Nhơn An,

xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

95. Bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1949; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

96. Bà Võ Thị Hiệp, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp Nhơn An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

97. Ông Nguyễn Việt Hoa, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

98. Bà Lê Thị Kim Chi, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

99. Ông Phùng Ngọc Côn, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

100. Bà Nguyễn Thị Khang, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

101. Ông Phan Văn Tuấn, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

102. Ông Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

103. Ông Huỳnh Phước Hoàng, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

104. Bà Lý Thị Ngọc Bích Thủy, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

105. Ông Mai Văn Nhanh, sinh năm 1966; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

106. Ông Nguyễn Chí Phương, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

107. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

108. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

109. Ông Ngô Thành Thuận, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

110. Bà Nguyễn Thị Bé Hai, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

111. Bà Đỗ Thị Thu Loan, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

112. Bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

113. Ông Lê Văn Dũng, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp Nhơn Hòa, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

114. Ông Nguyễn An Nhơn, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp Nhơn Lợi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

115. Ông Nguyễn Đoàn Khang, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp Nhơn Lợi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

116. Ông Phạm Văn Nhờ, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

117. Bà Đặng Thị Bé Mười, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

118. Bà Nguyễn Thị Phiên, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

119. Ông Lê Văn Phấn, sinh năm 1954; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

120. Ông Nguyễn Minh Châu, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

121. Ông Dương Văn Lâm, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp Nhơn Ngãi, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

122. Ông Nguyễn Văn Dự, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

123. Ông Lê Thanh Tuấn, sinh năm 1979; nơi cư trú: khóm Thị 2, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty Cổ phần viễn thông FPT; địa chỉ trụ sở: Tầng 02, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 17 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng 09, Block A, tòa nhà FPT Cầu Giấy, số 10 Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty FPT);

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần viễn thông FPT: Ông Nguyễn Thanh Hiếu, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Phú Thượng 3, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và ông Phạm Duy Khiêm, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền số 107/GUQ ngày 12/7/2025 của Công ty Cổ phần viễn thông FPT) (ông Nguyễn Thanh Hiếu có mặt; ông Phạm Duy Khiêm vắng mặt)

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ Viễn thông Phương Nam; địa chỉ: Số D4-D4bis đường Thất Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Công ty Phương Nam).

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ Viễn thông Phương Nam: Bà Trương Thị Quê Thơ, sinh ngày

25/9/1989; nơi cư trú: Số 12 đường Trần Lâm, phường Tân Huy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 02/2025/PNC-GUQ ngày 13/3/2025) (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Dương Ngọc, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp Mỹ Thạnh, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

4. Bà Đặng Thị Thu Vân, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị Kim Vui, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

6. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, sinh năm 2003; nơi cư trú: ấp Mỹ Thuận, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

7. Ông Nguyễn Thành Liệt, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

8. Bà Nguyễn Thị Mềm, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Mỹ An, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

9. Ông Nguyễn Thanh Hiếu, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Phú Thượng 3, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

10. Bà Trần Thị Bích Tuyền, sinh năm 1989; nơi cư trú: số 200B10 đường Hàm Nghi, khóm Bình Khánh 2, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt);

11. Ông Hồ Xuân Thịnh, sinh năm 1980; nơi cư trú: khóm Đông An 5, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (vắng mặt);

12. Bà Lê Thiện Nhi, sinh năm 1993; nơi cư trú: khóm Thị 2, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

13. Ông Nguyễn Thành Gấu, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp Long Hạ, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

14. Bà Lê Thị Hoa, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

15. Cháu Nguyễn Hùng Minh, sinh ngày 03/4/2007; nơi cư trú: số 341, tổ 14, ấp Mỹ Bình, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Hùng Minh: Bà Dương Thị Giàu, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Thanh Nhã; nơi cư trú: ấp Mỹ Bình, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (là cha, mẹ ruột) (vắng mặt).

16. Ông Mai Thiện Danh, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp Nhơn Hiệp, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt);

17. Ông Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Phú Thượng 3, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn (vắng mặt);
2. Bà Phan Thị Hoài Như (vắng mặt);
3. Ông Nguyễn Diệp Tuấn Vũ (vắng mặt);
4. Bà Nguyễn Thị Kim Cương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2021, Phan Hữu Phước được Công ty FPT - Chi nhánh An Giang nhận làm việc, phân công Phước làm việc tại Phòng giao dịch huyện Chợ Mới, thời gian thử việc 02 tháng. Ngày 01/01/2022, Phước được Công ty FPT - Chi nhánh An Giang ký Hợp đồng lao động số 01012022-1/AGGCMUPR4, thời hạn 12 tháng; đến ngày 01/01/2023, Công ty FPT - Chi nhánh An Giang tiếp tục ký Hợp đồng lao động số 010123-1/AGGCMUPR5, thời hạn 36 tháng, phân công công việc cụ thể là tìm kiếm khách hàng, tư vấn và ký kết hợp đồng với khách hàng có nhu cầu sử dụng Wifi, truyền hình FPT và camera FPT, chăm sóc khách hàng cũ (khách hàng đang sử dụng dịch vụ FPT), chuyển thông tin khách hàng phản ánh, khách hàng báo sự cố về Wifi, truyền hình hoặc camera cho Công ty FPT để kịp thời hỗ trợ xử lý cho khách hàng, tại địa bàn huyện Chợ Mới. Trong hợp đồng ký kết giữa Phước và Công ty FPT, thì không phân công Phước có nhiệm vụ thu cước của khách hàng. Tuy nhiên, ngoài nhiệm vụ đã phân công theo hợp đồng đã ký kết với Công ty FPT, Phòng giao dịch huyện Chợ Mới có thỏa thuận phân công thêm nhiệm vụ cho Phước với vai trò là khi ký kết hợp đồng với khách hàng, Phước được thu tiền cước lần đầu khi khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ gói cước trả trước gồm 03 tháng, 06 tháng và 12 tháng hoặc phí hòa mạng đối với khách hàng trả sau, sau khi thu xong nộp trực tiếp vào tài khoản Công ty FPT và chụp ảnh minh chứng gửi cho bộ phận dịch vụ khách hàng qua nhóm Zalo nội bộ để kiểm duyệt, lần thứ hai trở về sau thì Phước không được thu tiền của khách hàng mà nhân viên thu cước trực tiếp đi thu.

Trong thời gian làm việc, Phước tiếp xúc khách hàng và đưa ra thông tin không đúng với chính sách khuyến mãi của Công ty FPT, được khách hàng tin tưởng nộp tiền cước cho Phước. Từ lời nói, thủ đoạn gian dối đó, Phước đã thu tiền cước của 58 khách hàng, chiếm đoạt số tiền 61.829.000 đồng. Sự việc bị phát hiện, nên ngày 26/6/2023, Công ty FPT chấm dứt hợp đồng lao động, cho Phước nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc, khoảng thời gian từ ngày 01/7/2023 đến ngày 05/9/2023, Phước tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối giả mạo là nhân viên của Công ty FPT, để khách hàng tin tưởng nộp tiền cước cho Phước, Phước đã thu tiền cước của 65 khách hàng, chiếm đoạt số tiền 22.339.500 đồng.

Tổng cộng Phước thu cước phí của 123 khách hàng, chiếm đoạt tổng số tiền 84.168.500 đồng.

Ngày 12/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phan Hữu Phước.

Quá trình điều tra, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng trình bày như nội dung vụ án.

Tại Cáo trạng số 100/CT-VKSCM ngày 07/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Phan Hữu Phước về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Phan Hữu Phước thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng, không oan và trình bày: Bị cáo không có nhiệm vụ thu tiền cước hàng tháng của các khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty FPT. Quá trình làm việc, bị cáo có thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh Bình (nhân viên thu cước của Công ty Phương Nam) để thu cước của một số khách hàng giúp ông Nguyễn Thanh Bình; ngược lại, khi ông Nguyễn Thanh Bình biết có người cần sử dụng dịch vụ của Công ty FPT thì sẽ giới thiệu cho bị cáo. Sau đó, do cần tiền tiêu xài, bị cáo lợi dụng danh nghĩa là nhân viên của Công ty FPT để đưa ra thông tin không chính xác về chính sách khuyến mãi của Công ty FPT rồi thu tiền cước của 123 khách hàng với tổng số tiền 84.168.500 đồng nhưng không nộp về cho Công ty FPT mà tiêu xài cá nhân. Bị cáo không có bàn bạc, thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh Bình hoặc người khác để chiếm đoạt tiền những người bị hại. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Công ty FPT do ông Nguyễn Thanh Hiếu đại diện trình bày: Bị cáo không có nhiệm vụ thu tiền hàng tháng của các khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty FPT; bị cáo chỉ được phân công nhiệm vụ thu tiền khách hàng khi mới lắp đặt sử dụng dịch vụ của Công ty FPT. Việc bị cáo thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh Bình (nhân viên Công ty Phương Nam) để thu tiền cước của các khách hàng và chiếm đoạt tiền của các khách hàng thì Công ty FPT không biết. Đến khoảng tháng 5/2023 và 6/2023, do nhiều khách hàng phản ánh việc đã nộp tiền cước sử dụng dịch vụ cho bị cáo nhưng bị cắt dịch vụ thì Công ty FPT mới biết hành vi của bị cáo. Nay Công ty FPT không yêu cầu bị cáo, Công ty Phương Nam bồi thường; không yêu cầu người bị hại có nghĩa vụ trả lại số tiền sử dụng dịch vụ viễn thông của Công ty FPT.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên truy tố bị cáo Phan Hữu Phước về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo nội dung của Cáo trạng. Sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, phát biểu lời luận tội và quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị với Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Hữu Phước từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới không thu giữ vật chứng nên không đặt ra để xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng và chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[1.2] Đối với số tiền mà bị cáo chiếm đoạt:

Các Biên lai thu tiền mà bị cáo giao cho những người bị hại khi thu tiền là căn cứ xác định chính xác số tiền mà bị cáo đã nhận của các bị hại nhưng hiện nay nhiều bị hại không còn giữ Biên lai thu tiền này. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã trả hồ sơ để thu thập các Biên lai thu tiền này nhưng không thu thập đủ các Biên lai thu tiền của bị cáo đã giao cho bị hại nhưng bị hại và bị cáo cũng đã xác định số tiền đã giao cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại (đối với các trường hợp không thu thập được Biên lai thu tiền) theo đối chiếu giữa bị cáo với người bị hại để xét xử theo thủ tục chung.

Mặt khác,

Cáo trạng số 100/CT-VKSCM ngày 07/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới xác định tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 84.282.000 đồng.

Sau khi trả hồ sơ điều tra bổ sung, Kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 160/BKL-ĐTTH ngày 19/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của 123 bị hại là 84.150.000 đồng.

Trong những người bị hại, bị hại Lê Văn Dũng không còn giữ biên lai thu tiền nhưng xác định nộp cho bị cáo 220.000 đồng nhưng Cáo trạng xác định số tiền chiếm đoạt là 215.000 đồng và Kết luận điều tra xác định số tiền chiếm đoạt là 221.500 đồng; bị hại Phạm Văn Bé cung cấp được Biên lai thu tiền (BL 117) thể hiện đã nộp cho bị cáo số tiền 190.000 đồng nhưng Cáo trạng và Kết luận điều tra xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 170.000 đồng.

Qua đối chiếu số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại tại phiên tòa, đối với bị hại Lê Văn Dũng và bị hại Phạm Văn Bé, bị cáo xác định số tiền chiếm đoạt của bị hại Lê Văn Dũng là 220.000 đồng và bị hại Phạm Văn Bé là 190.000 đồng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai người bị hại Lê Văn Dũng và bị hại Phạm Văn Bé nên có căn cứ xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại Lê Văn Dũng là 220.000 đồng và bị hại Phạm Văn Bé là 190.000 đồng nên tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của 123 bị hại là 84.168.500 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của 123 bị hại là 84.168.500 đồng để giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Đối với ông Nguyễn Thanh Bình: Bị cáo cho rằng việc bị cáo thu tiền của các bị hại là do thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh Bình (là nhân viên thu cước của Công ty Phương Nam). Căn cứ hợp đồng cung ứng dịch vụ, Công ty Phương Nam có trách nhiệm thu tiền cước của các khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty FPT, quá trình làm việc, bị cáo thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh Bình để thu tiền của các khách hàng sử dụng dịch vụ tại địa bàn xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; ngược lại, ông Nguyễn Thanh Bình sẽ giới thiệu cho bị cáo những khách hàng mới khi họ có nhu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty FPT. Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã trả hồ sơ để điều tra làm rõ có việc thỏa thuận này hay không cũng như vai trò của ông Nguyễn Thanh Bình có đồng phạm với bị cáo hay không. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh Bình vắng mặt tại địa phương nên không làm việc được; bị cáo xác định chỉ bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại, bị cáo không có thỏa thuận với ông Nguyễn Thanh Bình trong việc chiếm đoạt tiền của các bị hại; những người bị hại xác định chỉ có một mình bị cáo thực hiện việc thu tiền của những người bị hại. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Thanh Bình có hành vi giúp sức cho bị cáo trong việc chiếm đoạt tiền của các bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới không xử lý là phù hợp.

[1.4] Đối với số tiền chiếm đoạt của ông Phan Văn Chài (Phan Văn Chòi), ông Võ Thanh Tùng, bà Phan Thị Mỹ Dung:

Lời khai ban đầu của ông Phan Văn Chài (Phan Văn Chòi), ông Võ Thanh Tùng và bà Phan Thị Mỹ Dung đều xác định nộp tiền cho bị cáo Phan Hữu Phước một lần khi mới lắp đặt dịch vụ và bị chiếm đoạt.

Lời khai của bị cáo Phan Hữu Phước và ông Nguyễn Thanh Hiếu xác định bị cáo Phan Hữu Phước có nhiệm vụ thu tiền của khách hàng khi mới lắp đặt dịch vụ của Công ty FPT.

Việc chiếm đoạt tiền của ông Phan Văn Chài (Phan Văn Chòi), ông Võ Thanh Tùng và bà Phan Thị Mỹ Dung của bị cáo Phan Hữu Phước nằm trong nhiệm vụ của bị cáo Phan Hữu Phước được Công ty FPT phân công nên hành vi của bị cáo Phan Hữu Phước khi chiếm đoạt tiền của ông Phan Văn Chài (Phan Văn Chòi), ông Võ Thanh Tùng, bà Phan Thị Mỹ Dung có dấu hiệu của tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới trả hồ sơ điều tra bổ sung, đối với ông Phan Văn Chài và bà Phan Thị Mỹ Dung, bị cáo, Công ty FPT, ông Phan Văn Chài và bà Phan Thị Mỹ Dung đều xác định số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của ông Phan Văn Chài và bà Phan Thị Mỹ Dung không phải ở lần thu tiền khi mới lắp đặt dịch vụ; đối với ông Võ Thanh Tùng, mặc dù bị cáo chiếm đoạt tiền ở lần thu tiền khi mới lắp đặt dịch vụ nhưng căn cứ lời khai của bị cáo và đại diện Công ty FPT đều xác định, bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin khuyến mãi không đúng với chính sách khuyến mãi của Công ty FPT để thu tiền của ông Võ Thanh Tùng, sau đó, bị cáo đã chiếm đoạt tiền của ông Võ Thanh Tùng.

Bị cáo đã có hành vi gian dối khi chiếm đoạt tiền của ông Phan Văn Chài (Phan Văn Chòi), ông Võ Thanh Tùng và bà Phan Thị Mỹ Dung nên hành vi chiếm đoạt tiền của ông Phan Văn Chài (Phan Văn Chòi), ông Võ Thanh Tùng và bà Phan Thị Mỹ Dung có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[1.5] Tư cách tham gia tố tụng của Công ty FPT và Công ty Phương Nam:

Căn cứ Hợp đồng cung ứng dịch vụ ngày 01/01/2016 (BL: 2047 – 2063), Công ty Phương Nam có trách nhiệm thu cước dịch vụ của các khách hàng cho Công ty FPT và trách nhiệm bồi thường khi gây thiệt hại cho Công ty FPT trong quá trình thu cước. Lẽ ra, cần xác định Công ty FPT là nguyên đơn dân sự và Công ty Phương Nam là bị đơn dân sự nhưng do Công ty FPT không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử xác định Công ty FPT và Công ty Phương Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

[1.6] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra về việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại; phù hợp lời khai người bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở xác định: Từ khoảng 01/2023 đến tháng 9/2023, tại địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, mặc dù không có nhiệm vụ thu tiền của các khách hàng nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Phan Hữu Phước đã có hành vi lợi dụng danh nghĩa là nhân viên của Công ty FPT, dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không chính xác để thu tiền của 123 khách hàng, với tổng số tiền 84.168.500 (tám mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm) đồng, cụ thể:

1. Chiếm đoạt của ông Lê Văn Trí số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;
2. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Thủy Tiên số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;
3. Chiếm đoạt của ông Trần Thanh Tuấn số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng;
4. Chiếm đoạt của bà Trần Ngọc Diệp số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;
5. Chiếm đoạt của ông Hồ Châu Minh số tiền 1.700.000 (một triệu, bảy trăm nghìn) đồng;
6. Chiếm đoạt của ông Trần Tổng Nguyên số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;
7. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc (sinh năm 1996) số tiền 1.350.000 (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn) đồng;
8. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh Hoàng số tiền 1.329.000 (một triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn) đồng;
9. Chiếm đoạt của bà Phan Thị Mỹ Dung số tiền 1.050.000 (một triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng;
10. Chiếm đoạt của ông Phan Văn Chồi số tiền 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng;
11. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc (sinh năm 1987) số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;
12. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Phượng (sinh năm 1969) số tiền 1.300.000 (một triệu, ba trăm nghìn) đồng;
13. Chiếm đoạt của ông Lê Hữu Phước số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;
14. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Tèo số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

15. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Nhân số tiền 1.389.000 (một triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn) đồng;

16. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Phụng (sinh năm 1970) số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

17. Chiếm đoạt của ông Võ Thanh Tùng số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

18. Chiếm đoạt của ông Huỳnh Thanh Hồ số tiền 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng;

19. Chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Tuyết Mai số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

20. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thùy Linh số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

21. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Lanh số tiền 1.407.000 (một triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn) đồng;

22. Chiếm đoạt của bà Trần Ngọc Hạnh số tiền 1.146.000 (một triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng;

23. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Chí Bảo số tiền 1.323.000 (một triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn) đồng;

24. Chiếm đoạt của ông Võ Văn Hồ số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

25. Chiếm đoạt của bà Đặng Thị Bé Tâm số tiền 1.155.000 (một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn) đồng;

26. Chiếm đoạt của ông Lê Trung Nghĩa số tiền 1.050.000 (một triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng;

27. Chiếm đoạt của ông Phan Văn Lộc số tiền 1.050.000 (một triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng;

28. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Xuân Hoài số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;

29. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thành Nghiệp số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

30. Chiếm đoạt của bà Dương Thị Giàu số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng (hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông do cháu Nguyễn Hùng Minh ký kết với Công ty FPT);

31. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Tiến Tuyết số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

32. Chiếm đoạt của bà Phạm Thị Kim Vê số tiền 1.395.000 (một triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng (hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông do ông

Mai Thiện Danh ký kết với Công ty FPT);

33. Chiếm đoạt của bà Trương Thị Hòa số tiền 1.110.000 (một triệu, một trăm mười nghìn) đồng;

34. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh Tuấn số tiền 1.686.000 (một triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn) đồng;

35. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Thôi số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

36. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Hữu Lợi số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;

37. Chiếm đoạt của ông Ngô Minh Hùng số tiền 1.050.000 (một triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng;

38. Chiếm đoạt của bà Mai Thị Huỳnh Như số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

39. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Chí Hữu số tiền 1.257.000 (một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng;

40. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Đang số tiền 1.110.000 (một triệu, một trăm mười nghìn) đồng;

41. Chiếm đoạt của ông Đỗ Hữu Dự số tiền 1.110.000 (một triệu, một trăm mười nghìn) đồng;

42. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Lâm Vũ số tiền 1.110.000 (một triệu, một trăm mười nghìn) đồng;

43. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Oanh số tiền 1.257.000 (một triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn) đồng;

44. Chiếm đoạt của bà Ngô Thị Nguyệt số tiền 1.170.000 (một triệu, một trăm bảy mươi nghìn) đồng;

45. Chiếm đoạt của bà Hồ Thị Lang số tiền 1.155.000 (một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn) đồng;

46. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Điều số tiền 1.209.000 (một triệu, hai trăm lẻ chín nghìn) đồng;

47. Chiếm đoạt của ông Phạm Thanh Tân số tiền 1.140.000 (một triệu, một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

48. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Hạnh số tiền 1.107.000 (một triệu, một trăm lẻ bảy nghìn) đồng;

49. Chiếm đoạt của ông Huỳnh Thanh Vũ số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;

50. Chiếm đoạt của ông Huỳnh Văn Huyện số tiền 1.290.000 (một triệu, hai trăm chín mươi nghìn) đồng;

51. Chiếm đoạt của ông Phan Thanh Nhân số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

52. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Võ Hoàng Anh số tiền 1.110.000 (một triệu, một trăm mười nghìn) đồng;

53. Chiếm đoạt của bà Lý Thị Kim Ngân số tiền 1.437.000 (một triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn) đồng;

54. Chiếm đoạt của bà Dương Thị Thảo số tiền 1.230.000 (một triệu, hai trăm ba mươi nghìn) đồng;

55. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Ngọc Diệu số tiền 615.000 (sáu trăm mười lăm nghìn) đồng;

56. Chiếm đoạt của bà Trần Thị Mộng số tiền 649.660 (sáu trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi) đồng;

57. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Dũng số tiền 429.000 (bốn trăm hai mươi chín nghìn) đồng;

58. Chiếm đoạt của bà Lâm Thị Nho số tiền 645.000 (sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

59. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Nhị số tiền 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

60. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Hồng Thắm số tiền 645.000 (sáu trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng;

61. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Phụng số tiền 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

62. Chiếm đoạt của ông Ngô Văn Thừa số tiền 660.000 (sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng;

63. Chiếm đoạt của ông Phan Tấn Phát số tiền 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng;

64. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Cu Em số tiền 511.000 (năm trăm mười một nghìn) đồng;

65. Chiếm đoạt của bà Cao Thị Bích Ngọc số tiền 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

66. Chiếm đoạt của ông Trần Hoàng Vũ số tiền 215.000 (hai trăm mười lăm nghìn) đồng;

67. Chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị Út Em số tiền 138.000 (một trăm ba mươi tám nghìn) đồng;

68. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Điền số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

69. Chiếm đoạt của ông Lê Văn Thanh số tiền 191.500 (một trăm chín

mười một nghìn năm trăm) đồng;

70. Chiếm đoạt của ông Phan Thanh Tú số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

71. Chiếm đoạt của bà Trần Kiều My số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

72. Chiếm đoạt của ông Hồ Văn Bé số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

73. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn Cường (sinh năm 1996) số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

74. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Nghi số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

75. Chiếm đoạt của ông Trần Chánh Thức số tiền 192.500 (một trăm chín mươi hai nghìn năm trăm) đồng;

76. Chiếm đoạt của ông Phạm Văn Bé số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

77. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Tuấn Cường (sinh năm 1993) số tiền 210.000 (hai trăm mười nghìn) đồng;

78. Chiếm đoạt của ông Mai Văn La số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

79. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Lệ Quyên số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

80. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Cửa số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

81. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Trung số tiền 175.000 (một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng;

82. Chiếm đoạt của ông Võ Tấn Tài số tiền 210.000 (hai trăm mười nghìn) đồng;

83. Chiếm đoạt của ông Trần Minh Anh số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

84. Chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị Kim Loan số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

85. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Vân số tiền 210.000 (hai trăm mười nghìn) đồng;

86. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Phong số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

87. Chiếm đoạt của bà Đặng Thị Thùy Châu số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

88. Chiếm đoạt của ông Hồ Minh Hải số tiền 185.000 (một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng;

89. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Ngọc Mẫn số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

90. Chiếm đoạt của ông Trần Văn Sáng số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

91. Chiếm đoạt của bà Đoàn Kim Thoa số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

92. Chiếm đoạt của ông Dương Thanh Giàu số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

93. Chiếm đoạt của ông Lưu Văn Linh số tiền 215.000 (hai trăm mười lăm nghìn) đồng;

94. Chiếm đoạt của ông Huỳnh Văn Huy Bình số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

95. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc (sinh năm 1949) số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

96. Chiếm đoạt của bà Võ Thị Hiệp số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

97. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Việt Hoa số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

98. Chiếm đoạt của bà Lê Thị Kim Chi số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

99. Chiếm đoạt của ông Phùng Ngọc Côn số tiền 156.000 (một trăm năm mươi sáu nghìn) đồng;

100. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Khang số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

101. Chiếm đoạt của ông Phan Văn Tuấn số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

102. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Trung số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

103. Chiếm đoạt của ông Huỳnh Phước Hoàng số tiền 170.000 (một trăm bảy mươi nghìn) đồng;

104. Chiếm đoạt của bà Lý Thị Ngọc Bích Thủy số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

105. Chiếm đoạt của ông Mai Văn Nhanh số tiền 215.000 (hai trăm mười lăm nghìn) đồng;

106. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Chí Phương số tiền 175.000 (một trăm

bảy mươi lăm nghìn) đồng;

107. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc Sương số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

108. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

109. Chiếm đoạt của ông Ngô Thành Thuận số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

110. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bé Hai số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

111. Chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Thu Loan số tiền 211.500 (hai trăm mười một nghìn năm trăm) đồng;

112. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Hạnh số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

113. Chiếm đoạt của ông Lê Văn Dũng số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

114. Chiếm đoạt của ông Nguyễn An Nhơn số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

115. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Đoan Khang số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

116. Chiếm đoạt của ông Phạm Văn Nhờ số tiền 190.000 (một trăm chín mươi nghìn) đồng;

117. Chiếm đoạt của bà Đặng Thị Bé Mười số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

118. Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Phiên số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng (hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông do ông Huỳnh Phú Quý ký kết với Công ty FPT);

119. Chiếm đoạt của ông Lê Văn Phấn số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

120. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh Châu số tiền 175.000 (một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng;

121. Chiếm đoạt của ông Dương Văn Lâm số tiền 205.000 (hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;

122. Chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Dự số tiền 220.000 (hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

123. Chiếm đoạt của ông Lê Thanh Tuấn số tiền 175.000 (một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng;

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo Phan Hữu Phước đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại c, đ khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt từ 02 (hai) năm tù đến 07 (bảy) năm tù, là tội phạm nghiêm trọng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Phan Hữu Phước về Tội danh và Điều luật đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Tài sản hợp pháp của công dân phải qua quá trình lao động và tích lũy lâu dài mới có được. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng biện pháp chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Bị cáo Phan Hữu Phước là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe và điều kiện làm ăn chân chính. Lẽ ra, bị cáo phải biết cố gắng lao động để tạo ra của cải, vật chất một cách chính đáng để nuôi sống bản thân, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội. Ngược lại, chỉ vì cần tiền tiêu sài, bị cáo Phan Hữu Phước đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông của Công ty FPT. Để thực hiện, từ tháng 01/2023 đến tháng 9/2023, lợi dụng danh nghĩa là nhân viên của Công ty FPT, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để thu tiền của 123 khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty FPT nhưng không nộp về cho Công ty FPT với tổng số tiền chiếm đoạt là 84.168.500 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội với 02 tình tiết định khung hình phạt là “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và “Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần phải có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng hành vi của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải đối với hành vi vi phạm của bản thân; người bị hại Trần Ngọc Diệp và bị hại Nguyễn Văn Dữ (có mặt tại phiên tòa ngày 18/02/2025) xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Hội đồng xét xử

xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của nhiều người bị hại nhưng từng lần chiếm đoạt không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Trước khi bị bắt, bị cáo đã bị Công ty FPT cho nghỉ việc, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật nên phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, người bị hại không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với Công ty FPT không yêu cầu những người bị hại có nghĩa vụ trả lại số tiền sử dụng dịch vụ và không yêu cầu Công ty Phương Nam có nghĩa vụ bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra không thu giữ vật chứng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Hữu Phước phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào điểm c, đ khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phan Hữu Phước 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/9/2023.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Hữu Phước phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Sở Tư pháp;
- Phân Trại tạm giam khu vực huyện
Chợ Mới - Trại tạm giam Công an tỉnh
An Giang;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang